TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 247/2023/DS-PT
Ngày 08 - 6 - 2023
Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Lê Minh Đạt

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2023/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1443/2023/QĐPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Việt Kim K, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số B, khu phố F, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị Hồng H, sinh năm 1984; (có mặt)

Địa chỉ: Số C, khu phố B, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1985; (có mặt)

Địa chỉ: Số B, khu phố B, Phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị Trúc L, sinh năm 1988; (có mặt)

2. Anh Nguyễn Phi L1, sinh năm 2000; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số B, khu phố B, Phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Việt Kim K..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Duy A trình bày:

Do biết gia đình ông T kinh doanh xe tải và khách sạn nên khi ông T đề nghị mượn tiền nhằm phục vụ nhu cầu kinh doanh của gia đình thì bà K đồng ý, bà K có yêu cầu ông T phải có xác nhận của gia đình về việc mượn tiền này.

Ngày 04.7.2021 ông T hỏi mượn 50.000.000 đồng và ông T xác nhận với bà K là đã có thông báo cho gia đình biết việc vay mượn tiền này. Do ông và bà K là bạn bè nên bà K có nhờ ông chuyển tiền cho ông T thông qua số tài khoản của ông L1 là em ruột của ông T. Số tài khoản của anh L1 là do ông T cung cấp. Khi chuyển số tiền 50.000.000 đồng ông có diễn giải rõ nội dung như sau "DO DUY AN chuyen tien cho anh L1 tien anh Nguyen Thanh T1 muon của chi Nguyen Viet Kim K1 theo giay muon tien". Ông xác nhận số tiền chuyển khoản này là tiền của bà K, ông chỉ là người chuyển dùm bà K và ông không có bất cứ yêu cầu gì có liên quan đến nội dung khởi kiện của bà K. Giấy mượn tiền được để cập trong nội dung diễn giải đã bị thất lạc nên nguyên đơn không cung cấp được.

Ngày 15.11.2021, ông T hỏi mượn thêm 100.000.000 đồng và cũng xác nhận với bà K là đã có thông báo cho gia đình biết việc vay mượn tiền này, bà K đồng ý tiếp tục cho mượn. Khi giao nhận số tiền 100.000.000 đồng có lập văn bản và ông T có ký tên vào mục "người mượn" tuy nhiên do sơ sót nên giấy mượn tiền ghi ngày 15.11.2020,

Sau khi đã nhận tiền thì gia đình ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thành T, bà Lê Thị Trúc L, ông Nguyễn Phi L1 liên đới trả số tiền 150.000.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với nội dung trình bày của anh T và chị L về số tiền 30.000.000 đồng đã trả thì ông không có ý kiến, đề nghị cung cấp chứng cứ để chứng minh đối với nội dung này. Ông không đồng ý việc trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Ông và vợ tên Lê Thị Trúc L là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Phường D, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới thì vợ chồng ông và 02 con nhỏ ở chung với mẹ ruột ông tên Trần Thị H1. Mẹ ông kinh doanh xe tải và khách sạn. Ông có phụ giúp gia đình, hàng tháng mẹ ông có trả lương cho ông nhưng số tiền lương ông chỉ tiêu xài cá nhân, tất cả sinh hoạt phí trong gia đình

đều do mẹ ông chỉ trả.

Do ông thiếu tiền bên ngoài nên ông có hỏi mượn 150.000.000 đồng của bà K. Khi mượn tiền thì gia đình không biết và ông cũng không dùng số tiền mượn để chi tiêu cho nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông đồng ý bản thân ông sẽ có trách nhiệm trả tiền. Do ông không có khả năng trả một lần nên xin trả dần mỗi tháng ít nhất là 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Số tiền chuyển khoản 50.000.000 thông qua số tài khoản của em ruột ông tên Nguyễn Phi L1. Khi mượn số tài khoản của L1 để nhận tiền thì ông không có nói lý do với L1, chỉ nhờ sau khi tiền vào tài khoản thì rút tiền đưa ông. L1 đã rút và đưa cho ông đủ số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi không có khả năng trả nợ thì ông bỏ đi, có người đến nhà đòi tiền. Mẹ ông có trả 30.000.000 đồng cho anh A, việc giao nhận tiền diễn ra tại nhà nhưng không được lập thành văn bản. Trường hợp nguyên đơn thừa nhận thì trừ vào số tiền mượn, không thừa nhận thì ông cũng đồng ý trả vì không có chứng cứ gì để chứng minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Trúc L trình bày:

Bà và ông T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Phường D. Sau khi cưới thì vợ chồng bà và 02 con nhỏ ở chung với gia đình chồng, mọi chi phí sinh hoạt của vợ chồng đều do mẹ chồng chi trả, trách nhiệm của bà là công việc nhà và đưa đón con đi học, để có tiền chi tiêu lặt vặt thì bà bán hàng online. Gia đình không ai biết việc ông Tân mượn tiền của bà K. Khi giao tiền gia đình hoàn toàn không biết, ông T hay bà K cũng không thông báo cho gia đình. Khi ông T đã bỏ đi thì bà K mới điện thoại cho bà để đòi tiền. Sau đó, ông A có trực tiếp đến nhà để đòi tiền. Mẹ chồng có thay ông T trả cho ông A 30.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Bà không đồng ý có trách nhiệm liên đới trả tiền với ông T vì bả không mượn tiền, không sử dụng số tiền mượn, ông T cũng không sử dụng số tiền mượn cho nhu cầu thiết yếu cầu gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Phi L1 trình bày:

Ông là em ruột của anh T, hiện đang đi học tại TP Hồ Chí Minh. Thời điểm nghỉ học do dịch bệnh C thì ông về nhà tại thành phố B. Anh T có nói với ông về việc có người sẽ chuyển vào tài khoản của ông số tiền 50.000.000 đồng, khi nhận được tiền thì rút và dưa tiền mặt cho anh T. Sau khi nhận được tiền, ông đã rút và đưa cho anh T đủ 50.000.000 đồng. Do là anh em ruột nên việc giao nhận tiên không lập thành văn bản, không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Ông không biết và không liên quan gì đến việc mượn tiền của anh T nên không đồng ý trả số tiền trên đồng thời xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án

Trong quá trình giải quyết vụ án có tiến hành là việc với bà Trần Thị H2, tại biên bản làm việc ngày 11.01.2023 bà H2 trình bày như sau: "Tôi là mẹ ruột của Nguyễn Thành T. Trước T có phụ tôi các công việc kinh doanh của gia đình nhưng do T không chí thú làm ăn nên tôi không cho T làm chung nữa. T đã ra ngoài làm thuê cho người khác. Khi T mượn nợ hoàn toàn không thông báo cho bất kỳ ai trong gia đình được biết, T cũng không dùng các khoản tiền này để chi tiêu cho các nhu cầu thiết yếu của gia đình vì vợ chồng T và các con sống chung nhà với tôi, tôi cho tất cả chi phí ăn ở. Để có tiền chi tiêu lặt vặt thì vợ của T là Lê Thị Trúc L bán hàng online để kiếm thêm thu nhập. Khi có người đến nhà tìm T để đòi tiền thì gia đình mới biết việc T nợ tiền bên ngoài. Khi ông A đến nhà thông báo T nợ tiền của ông thì tôi có thay T trả số tiền 30.000.000 đồng. Lúc giao tiền tôi có ký tên vào giấy, sau khi ký tên xong thì tôi thấy thông tin trong giấy nợ không giống như số tiền ông A đã thông báo với tôi nên chính tôi đã xé giấy nợ này. Tôi có nói với ông A là từ nay tôi không liên quan nữa, Tân nợ thì Tân tự giải quyết vì T là người trưởng thành. Tôi không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh đã thay T trả cho ông A số tiền 30.000.000 đồng nên tôi không có yêu cầu gì đối với số tiền này. Nếu ông A thừa nhận thì ông An t vào số tiền theo đơn khởi kiện, nếu ông A không thừa nhận thì Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật vì tôi không thể chứng minh được việc tôi đã thay T trả 30.000.000 đồng cho ông A. Do không liên quan trong vụ án này nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt tôi. Tôi cam đoan sẽ không khiếu nại gì về việc Tòa án giải quyết, xét xử mà không mời tôi tham dự".

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre quyết định:

Căn cứ:

Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tung dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Việt Kim K: buộc ông Nguyễn Thành T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Việt Kim K số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Việt Kim K không yêu cầu tính lãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Việt Kim K về việc buộc ông Nguyễn Thành T, bà Lê Thị Trúc L, ông Nguyễn Phi L1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Việt Kim K số tiền 150.000.000 (Một trăm

năm mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08 tháng 3 năm 2023, nguyên đơn bà Nguyễn Việt Kim K kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo hướng buộc ông Nguyễn Thành T, bà Lê Thị Trúc L, ông Nguyễn Phi L1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà K số tiền 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày, nguyên đơn đồng ý giảm 50.000.000 đồng cho bị đơn, chỉ yêu cầu bị đơn trả 100.000.000 đồng nếu bị đơn trả cho nguyên đơn trong một lần. Bị đơn không đồng ý. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về tranh chấp trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Việt Kim K; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Nguyễn Việt Kim K, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Việt Kim K và người đại diện theo ủy quyền của bà K là bà Phan Thị Hồng H yêu cầu ông Nguyễn Thành T, bà Lê Thị Trúc L, anh Nguyễn Phi L1 phải liên đới trả cho bà số tiền vay là 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ chứng minh bao gồm: 01 bản chính 'Giấy mượn tiền" đối với số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và 01 bản chính "Sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng Do Duy An" của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đối với số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Xét thấy, tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thành T thừa nhận có vay tiền của bà K số tiền 150.000.000 đồng, ông T cũng đồng ý trả cho bà K nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng. Việc thừa nhận nợ của ông T là chứng cứ chứng minh ông T có nợ bà K số tiền 150.000.000 đồng, là tình tiết không cần phải chứng minh theo

quy định tại khoản 2 điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, có cơ sở xác định ông T có nợ bà K số tiền 150.000.000 đồng.

[2] Bà K cho rằng ông T và bà L là vợ chồng hợp pháp và trong thời kỳ hôn nhân, ông Tân mượn để kinh doanh tạo thêm kinh tế cho gia đình; anh L1 là người nhận tiền chuyển khoản có ghi thông tin ông T mượn tiền và anh L1 không có chứng cứ chứng minh việc anh đã đưa tiền cho ông T nên bà K yêu cầu ông T, bà L, anh L1 phải liên đới trả cho bà số tiền 150.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông T thừa nhận mượn tiền bà K để làm ăn nhưng không nhằm nhu cầu thiết yếu của vợ chồng ông và anh L1 đã đưa đủ cho ông số tiền 50.000.000 đồng do ông A chuyển. Bà K không chứng minh được khi mượn nợ, giao nhận tiền và mục đích sử dụng tiền là để phục vụ nhu cầu thiết yếu của ông T, bà L, anh L1. Do vậy, kháng cáo của bà K yêu cầu ông T, bà L, anh L1 phải liên đới trả cho bà số tiền 150.000.000 đồng là không có căn cứ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà K nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà K về việc yêu cầu ông T trả số tiền nợ gốc đã vay là 150.000.000 đồng là có cơ sở.

Từ nhận phân tích trên, thấy rằng bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Việt Kim K là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Việt Kim K;

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 20/2023/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Việt Kim K: buộc ông Nguyễn Thành T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Việt Kim K số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Việt Kim K không yêu cầu tính lãi.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Việt Kim K về việc buộc ông Nguyễn Thành T, bà Lê Thị Trúc L, ông Nguyễn Phi L1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Việt Kim K số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Thành T phải nộp 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

3.2. Bà Nguyễn Việt Kim K được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009917 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận bà Nguyễn Việt Kim K phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số 0002661 ngày 08 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lương